

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/CBTT-HPD

Gia Lai, ngày 31 tháng 07 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: HPD
- Địa chỉ trụ sở chính: 138 Tôn Đức Thắng – phường Thống Nhất - Gia Lai
- Điện thoại: 02696 288 688
- Email: thuydiendakdoa.th@yahoo.com
- Website: <http://thuydiendakdoa.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

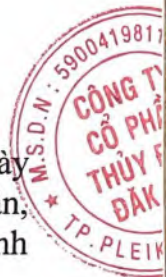
☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/07/2025 tại đường dẫn: <http://thuydiendakdoavn>.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC năm 2025

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dương





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐỎA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Tháng 7 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	09 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Chung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dương	Giám đốc
----------------------	----------

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Dương

Giám đốc

Gia Lai, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Số: 01/2025/SX-AV3-TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/7/2025, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1436-2023-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu số B01a - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.167.058.270	26.941.265.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		621.613.882	10.569.149.029
1. Tiền	111	5	621.613.882	10.569.149.029
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.584.776.721	15.444.608.635
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.648.296.005	6.104.496.448
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10.1	9.100.000.000	8.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.836.480.716	1.340.112.187
III. Hàng tồn kho	140		791.514.438	815.197.371
1. Hàng tồn kho	141	8	791.514.438	815.197.371
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.153.229	112.310.205
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.1	169.153.229	112.310.205
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.849.596.704	142.668.709.922
I. Tài sản cố định	220		87.496.363.618	94.320.819.124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	87.496.363.618	94.320.819.124
- Nguyên giá	222		282.805.814.678	282.805.814.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(195.309.451.060)	(188.484.995.554)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.145.000.000	47.585.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	10.2	55.080.000.000	47.520.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10.2	65.000.000	65.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		208.233.086	762.890.798
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.2	208.233.086	762.890.798
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		161.016.654.974	169.609.975.162

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu số B01a - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.315.817.581	45.010.231.990
I. Nợ ngắn hạn	310		37.315.817.581	30.010.231.990
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	146.958.860	136.460.269
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.512.642.632	3.054.322.964
3. Phải trả người lao động	314		181.479.999	713.653.007
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	110.376.986	17.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.540.389.214	9.376.991.750
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.1	24.560.000.000	16.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.263.969.890	711.804.000
II. Nợ dài hạn	330		6.000.000.000	15.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.2	6.000.000.000	15.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.700.837.393	124.599.743.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	117.700.837.393	124.599.743.172
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.065.900.000	83.065.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	11.775.087.729	11.775.087.729
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	17	1.125.460.929	1.125.460.929
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17a	21.734.388.735	28.633.294.514
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.754.038.624	8.482.412.684
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.980.350.111	20.150.881.830
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		161.016.654.974	169.609.975.162

Người lập biểu

Nguyễn Thủy Tiên

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng

Giám đốc
Ngày 28 tháng 7 năm 2025



Giám đốc

Nguyễn Văn Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	13.782.552.906	13.068.216.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	13.782.552.906	13.068.216.496
4. Giá vốn hàng bán	11	19	9.445.591.395	9.236.195.327
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.336.961.511	3.832.021.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	303.526.489	1.539.029.003
7. Chi phí tài chính	22	21	1.172.317.304	1.529.417.809
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.081.390.684	1.529.417.809
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.257.932.971	962.483.139
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		2.210.237.725	2.879.149.224
11. Thu nhập khác	31		-	370.464.034
12. Chi phí khác	32	23	5.187.128	247.018
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.187.128)	370.217.016
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.205.050.597	3.249.366.240
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	224.700.486	365.041.823
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.980.350.111	2.884.324.417
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	238	347

Người lập biểu



Nguyễn Thủy Tiên

Kế toán trưởng



Trần Mạnh Đăng

Giám đốc
Gia Lai, ngày 28 tháng 7 năm 2025


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.205.050.597	3.249.366.240
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11	6.824.455.506	6.824.455.506
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	20	(303.526.489)	(1.539.029.003)
- Chi phí lãi vay	06	21	1.081.390.684	1.529.417.809
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.807.370.298	10.064.210.552
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		262.310.803	2.662.241.979
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.682.933	(25.273.260)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		120.096.261	(2.879.823.127)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		497.814.688	808.754.095
- Tiền lãi vay đã trả	14		(971.013.698)	(1.529.417.809)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	13	(2.310.254.032)	(1.277.087.721)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.500.000)	(448.296.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.409.507.253	7.375.308.709
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(570.637.500)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(3.700.000.000)	(11.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.600.000.000	8.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	10.2	(7.560.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.047.600	236.176.782
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.658.952.400)	(3.334.460.718)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	16	7.560.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	16	(8.000.000.000)	(3.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.258.090.000)	(103.725.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.698.090.000)	(3.603.725.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(9.947.535.147)	437.122.991
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	10.569.149.029	2.691.981.073
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	5	621.613.882	3.129.104.064

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

Người lập biểu

Nguyễn Thủy Tiên

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng

Giám đốc, ngày 28 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA
TP. PLEIKU, T. GIA LAI

Nguyễn Văn Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**MẪU SỐ B09a - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa, trụ sở đặt tại số 138 Tôn Đức Thắng, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3903000141 ngày 05/7/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 15/5/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ là 83.065.900.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Số lượng lao động của Công ty tại 30/6/2025 là 19 người (tại 01/01/2025 là 20 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm (thủy điện).**1.3 Ngành nghề kinh doanh:** đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, sản xuất kinh doanh điện.**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** 12 tháng.**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:**

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Ma 2A	Tổ 18, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu	Sản xuất điện

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ: các thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể so sánh được.**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 là một kỳ kế toán của năm tài chính 2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09a - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)***4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính**4.3.1 Các khoản cho vay**

Phản ánh các khoản cho vay bằng kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.3.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu tại thời điểm góp vốn (có ảnh hưởng đáng kể) theo giá gốc.

Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Ma 2A, chủ đầu tư nhà máy thủy điện cùng tên tại xã Mù Cà, tỉnh Lai Châu, được khởi công xây dựng vào tháng 12/2023 và dự kiến vận hành thương mại trong quý IV/2025. Công ty liên kết đang trong quá trình đầu tư xây dựng và chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.3.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là giá mua. Cổ tức được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

4.4 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác vận hành trạm tăng áp 110 kV, trạm cắt 110 kV và đường dây 110 kV đấu nối vào lưới điện Quốc gia để truyền tải điện Nhà máy Thủy điện Hà Tây (công suất 9 MW) và Nhà máy Thủy điện Đắk Đoa (công suất 14 MW) theo tỷ lệ tương ứng công suất của mỗi nhà máy. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09a - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)**Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát*

a) Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia liên doanh là tài sản được các bên tham gia liên doanh mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của liên doanh và mang lại lợi ích cho các bên tham gia liên doanh theo quy định của hợp đồng liên doanh. Các bên tham gia liên doanh ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng là tài sản trên báo cáo tài chính của mình.

b) Mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Các bên tham gia liên doanh ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình những nội dung sau:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	31 - 33
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Đã khấu hao hết
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đã khấu hao hết

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm:

- Chi phí lắp đặt bổ sung camera giám sát nhà máy được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh;
- Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng hoàn thành, bảo hiểm cháy nổ bắt buộc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là lãi tiền vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Trong kỳ, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/3/2025.

4.14 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận trên cơ sở biên bản xác nhận số liệu giữa bên mua, bên bán và hóa đơn phát hành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của điện thương phẩm, dịch vụ đã bán và cung cấp trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ và chi phí tài chính khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09a - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)***4.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

4.18 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk Đoa thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2011 đến năm 2025), miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2011 đến năm 2014) và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Như vậy, năm 2025 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 7, 10, 16, 17, 29.

5. TIỀN

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	315.960.035	19.384.248
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	305.653.847	10.549.764.781
Cộng	621.613.882	10.569.149.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09a - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)***6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	5.648.296.005	6.104.496.448
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	5.609.605.739	6.073.053.803
Các khoản phải thu của khách hàng khác	38.690.266	31.442.645

7. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.836.480.716	-	1.340.112.187	-
Tạm ứng	195.870.234	-	56.040.627	-
Phải thu Công ty CP Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên (chi phí sử dụng chung đường dây 100KV)	1.014.882.656	-	960.272.813	-
Phải thu Công ty CP Đầu tư Điện mặt trời (tiền lãi cho vay)	607.713.332	-	308.484.443	-
Phải thu Công ty CP Thủy điện Đắk Gléi (cổ tức)	3.250.000	-	-	-
Phải thu người lao động	14.764.494	-	15.314.304	-

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	787.814.438	-	811.497.371	-
Công cụ, dụng cụ	3.700.000	-	3.700.000	-
Cộng	791.514.438	-	815.197.371	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
9.1 Ngắn hạn	169.153.229	112.310.205
Chi phí sửa chữa hệ thống camera	42.667.900	-
Chi phí mua bảo hiểm	126.485.329	112.310.205
9.2 Dài hạn	208.233.086	762.890.798
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	208.233.086	762.890.798

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
10.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn	9.100.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	9.100.000.000	8.000.000.000
Phải thu về cho vay là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	9.100.000.000	8.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

MẪU SỐ B09a - DN

10.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2025			01/01/2025	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	55.080.000.000	-		-	47.520.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	65.000.000	-		-	65.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/6/2025 như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Ma 2A	27,00	27,00	27,00	204.000.000.000	55.080.000.000	-	
Cộng				204.000.000.000	55.080.000.000	-	

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/3/2025 của Công ty, thông qua việc mua thêm 756.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Điện Nậm Ma 2A tương ứng với tổng giá trị là 7.560.000.000 VND. Tại ngày 30/6/2025, Công ty đã thanh toán đủ và nâng mức đầu tư lên 55.080.000.000 VND (5.508.000 cổ phần), tương đương 27% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Ma 2A.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 30/6/2025 như sau:

Tên công ty	30/6/2025			01/01/2025	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty CP Thủy điện Đắk Glei	65.000.000	-		-	65.000.000

Tại 30/6/2025, Công ty đã góp đủ 65.000.000 VND (6.500 cổ phần), tương đương 0,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

MẪU SỐ B09a - DN					Đơn vị tính: VND Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	
NGUYÊN GIÁ					
	Tại 01/01/2025	160.830.486.568	120.955.910.472	937.811.290	81.606.348
	Tăng trong kỳ	-	-	-	-
	Giảm trong kỳ	-	-	-	-
	Tại 30/6/2025	160.830.486.568	120.955.910.472	937.811.290	81.606.348
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
	Tại 01/01/2025	77.168.034.140	110.297.543.776	937.811.290	81.606.348
	Tăng trong kỳ	2.573.162.094	4.251.293.412	-	-
	Khấu hao trong kỳ	2.573.162.094	4.251.293.412	-	-
	Tại 30/6/2025	79.741.196.234	114.548.837.188	937.811.290	81.606.348
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
	Tại 01/01/2025	83.662.452.428	10.658.366.696	-	-
	Tại 30/6/2025	81.089.290.334	6.407.073.284	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 và tại ngày 01/01/2025 là 1.019.417.638 VND.

Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2025 của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 87.481.969.712 VND (tại ngày 01/01/2025 là 94.300.256.384 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	146.958.860	146.958.860	136.460.269	136.460.269
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	135.721.738	135.721.738	135.721.738	135.721.738
Doanh nghiệp tư nhân Thiện Mỹ	20.069.990	20.069.990	20.069.990	20.069.990
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An	78.751.748	78.751.748	78.751.748	78.751.748
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quy Nhơn	36.900.000	36.900.000	36.900.000	36.900.000
Các đối tượng khác	11.237.122	11.237.122	738.531	738.531

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	423.978.675	1.117.942.181	990.372.460	551.548.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.285.101.634	224.700.486	2.310.254.032	199.548.088
Thuế thu nhập cá nhân	-	114.612.069	112.465.580	2.146.489
Thuế tài nguyên	257.192.883	596.879.221	620.608.450	233.463.654
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	134.637.653	24.022.500	110.615.153
Phí dịch vụ môi trường rừng	88.049.772	199.614.528	211.398.948	76.265.352
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	339.055.500	-	339.055.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	47.798.792	47.798.792	-
Cộng	3.054.322.964	2.775.240.430	4.316.920.762	1.512.642.632

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	110.376.986	17.000.000
Chi phí tàu xe nghỉ phép	-	17.000.000
Lãi vay phải trả	110.376.986	-

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	9.540.389.214	9.376.991.750
Kinh phí công đoàn	9.468.677	10.625.311
Cổ tức phải trả	9.160.906.000	9.112.406.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	345.000.000	228.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.014.537	25.960.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

MẪU SỐ B09a - DN

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

16.1 Ngắn hạn

Các khoản vay

Vay và nợ thuê tài chính bên liên quan

Công ty TNHH Năng lượng SJE

16.2 Dài hạn

Các khoản vay

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
24.560.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
24.560.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
7.560.000.000	-	-
7.560.000.000	-	-
6.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
6.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000

a. Các khoản vay

	01/01/2025 VND		Trong kỳ VND		30/6/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

Vay ngắn hạn

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (**)

Công ty TNHH Năng lượng SJE (*)

16.000.000.000	16.000.000.000	16.560.000.000	8.000.000.000	24.560.000.000	24.560.000.000
16.000.000.000	16.000.000.000	9.000.000.000	8.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
-	-	7.560.000.000	-	7.560.000.000	7.560.000.000

Vay dài hạn

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (**)

15.000.000.000	15.000.000.000	-	9.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
15.000.000.000	15.000.000.000	-	9.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Khoản vay tín chấp theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2025/ĐĐ-SJE ngày 21/4/2025, chịu lãi suất căn cứ và điều chỉnh theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Yên Bái (cũ) với Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đòa. Mục đích khoản vay để mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Ma 2A.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

() Hợp đồng tín dụng 01.2023/HĐTD/ĐẮKĐOÀ ngày 19/7/2023:**

Số tiền vay	: 40.500.000.000 VND.
Mục đích vay	: Trả nợ trước hạn khoản vay đầu tư Dự án Thủy điện Đắk Đoa tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng số 192/16/NHNT ngày 01/9/2016 và các Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung (nếu có).
Thời hạn vay	: 37 tháng kể từ ngày đầu tiên tới ngày 01/9/2026.
Lãi suất trong hạn	: Lãi suất cho vay trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Trong 12 tháng tiếp theo và sau đó điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của cá nhân cộng với mức biên là 2,5%/năm.
Lãi suất quá hạn	: 150% lãi suất cho vay trong hạn.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ các hạng mục máy móc thiết bị và nhà cửa, vật kiến trúc phục vụ hoạt động Nhà máy Thủy điện Đắk Đoa thuộc Dự án Thủy điện Đắk Đoa công suất 14MW được xây dựng tại xã Đắk Sơ Mei, tỉnh Gia Lai.
Số dư vay tại 30/6/2025	: 23.000.000.000 VND.
Số phải trả trong 12 tháng tới	: 17.000.000.000 VND.

b. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Đơn vị tính: VND Trên 5 năm
Tại 30/6/2025				
Các khoản vay	23.000.000.000	17.000.000.000	6.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	23.000.000.000	17.000.000.000	6.000.000.000	-
Cộng	23.000.000.000	17.000.000.000	6.000.000.000	-
Tại 01/01/2025				
Các khoản vay	31.000.000.000	16.000.000.000	15.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	31.000.000.000	16.000.000.000	15.000.000.000	-
Cộng	31.000.000.000	16.000.000.000	15.000.000.000	-

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Tại 01/01/2025	83.065.900.000	11.775.087.729	1.125.460.929	28.633.294.514	124.599.743.172
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.980.350.111	1.980.350.111
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.980.350.111	1.980.350.111
Giảm trong kỳ	-	-	-	8.879.255.890	8.879.255.890
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.879.255.890	8.879.255.890
Tại 30/6/2025	83.065.900.000	11.775.087.729	1.125.460.929	21.734.388.735	117.700.837.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

MÃ SỐ B09a - DN

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Công ty TNHH Năng lượng SJE	54.075.300.000	54.075.300.000	54.075.300.000	54.075.300.000
Các cổ đông khác	28.990.600.000	28.990.600.000	28.990.600.000	28.990.600.000
Cộng	83.065.900.000	83.065.900.000	83.065.900.000	83.065.900.000

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Tại ngày 01/01	28.633.294.514	25.545.592.684
Tăng trong kỳ	1.980.350.111	2.884.324.417
Lãi trong kỳ	1.980.350.111	2.884.324.417
Giảm trong kỳ	8.879.255.890	17.063.180.000
Chia cổ tức bằng tiền	8.306.590.000	16.613.180.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	572.665.890	250.000.000
Thưởng ban điều hành	-	200.000.000
Tại ngày 30/6	21.734.388.735	11.366.737.101
b. Cổ phiếu	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.306.590	8.306.590
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.306.590	8.306.590
Cổ phiếu phổ thông	8.306.590	8.306.590
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.306.590	8.306.590
Cổ phiếu phổ thông	8.306.590	8.306.590
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

18. DOANH THU

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.782.552.906	13.068.216.496
Doanh thu bán điện thương phẩm	13.677.839.568	12.979.079.268
Doanh thu khác	104.713.338	89.137.228
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.782.552.906	13.068.216.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Giá vốn điện thương phẩm đã bán	9.340.878.057	9.147.058.099
Giá vốn khác	104.713.338	89.137.228
Cộng	9.445.591.395	9.236.195.327

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	300.276.489	1.536.429.003
Cổ tức được chia	3.250.000	2.600.000
Cộng	303.526.489	1.539.029.003

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	1.081.390.684	1.529.417.809
Chi phí tài chính khác	90.926.620	-
Cộng	1.172.317.304	1.529.417.809

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nhân công	542.394.588	287.977.720
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	715.538.383	674.505.419
Cộng	1.257.932.971	962.483.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

23. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Các khoản chậm nộp thuế, bảo hiểm	5.187.128	247.018
Cộng	5.187.128	247.018

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.823.646	148.826.681
Chi phí nhân công	1.771.387.556	1.078.706.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.824.455.506	6.824.455.506
Chi phí khác	2.060.857.658	2.146.689.281
Cộng	10.703.524.366	10.198.678.466

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	2.205.050.597	3.249.366.240
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	53.187.128	48.000.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	48.000.000	48.000.000
Phạt thuế, chậm nộp thuế, phạt hành chính	5.187.128	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	19.215.740	32.224.074
Cổ tức được chia	3.250.000	2.600.000
Điều chỉnh giảm chi phí năm 2022 vào năm 2024	-	29.624.074
Điều chỉnh giảm chi phí năm 2022 vào năm 2025	15.965.740	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	2.239.021.985	3.265.142.166
Lợi nhuận hoạt động ưu đãi (4a)	2.239.021.985	2.894.678.132
Lợi nhuận hoạt động không ưu đãi (4b)	-	370.464.034
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi (5a)	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN không ưu đãi (5b)	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (6)=(4a)*(5a)+(4b)*(5b)	223.902.199	363.560.620
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (7)	798.287	1.481.203
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(6)+(7)	224.700.486	365.041.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	1.980.350.111	2.884.324.417
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	1.980.350.111	2.884.324.417
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	8.306.590	8.306.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	238	347

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số 33 - Tiền thu từ đi vay và Mã số 34 - Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm khoản phân loại từ vay và nợ dài hạn sang vay và nợ ngắn hạn, số tiền 9.000.000.000 VND.

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 30/6/2025 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Công ty TNHH Năng lượng SJE	Công ty mẹ		
Cho vay		-	5.000.000.000
Thu tiền gốc		-	5.000.000.000
Vay tiền		7.560.000.000	-
Lãi vay phát sinh		105.840.000	-
Cổ tức đã trả		5.407.530.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	Cùng Công ty mẹ		
Cổ tức được chia		3.200.000	2.600.000
Cho vay		-	1.500.000.000
Thu tiền gốc		-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	Cùng Công ty mẹ		
Cho vay		3.700.000.000	600.000.000
Thu tiền gốc		2.600.000.000	1.500.000.000
Lãi cho vay phát sinh		299.228.889	463.777.221
Lãi cho vay đã thu		-	235.169.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Ông Bùi Quang Chung	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Dương	Thành viên HĐQT	223.329.398	218.504.693
	Giám đốc		
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Trương Tuấn Tú	Trưởng BKS	18.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thọ Hoàng	Thành viên BKS	12.000.000	6.000.000
Cộng		313.329.398	293.504.693

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm (thủy điện) và chỉ phát sinh trên địa bàn Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Tiên

Kế toán trưởng



Trần Mạnh Đăng

Gia Lai, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Văn Dương

